TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Nhu.

2/ Bà Lê Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trường An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Lê Ngọc H, sinh năm 1999. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã Y, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Huynh Giau M, sinh năm 1986. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 457 Ellis Street, San Francisco, CA 94102, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Lê Ngọc H trình bày:

Chị và anh Huynh Giau M kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nH dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 17 ngày 08/3/2019. Sau khi kết hôn anh Huynh Giau M sinh sống ở Mỹ, còn chị sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng ít gặp nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt và không hạnh phúc. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huynh Giau M.

+ Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2026, đơn xin vắng mặt ngày 02/01/2026, bị đơn anh Huynh Giau M trình bày:

Anh và chị H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019 trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nH dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/3/2019. Vì anh định cư ở Mỹ nên sau khi kết hôn anh về Mỹ sinh sống, còn chị H vẫn ở Việt Nam, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc qua điện thoại mỗi ngày để chia sẽ về công việc và cuộc sống. Anh muốn rước chị H sang Mỹ đoàn tụ nhưng nhiều lần chị H phỏng vấn không đạt nên không đi được, chị H muốn anh về Việt Nam sinh sống anh không đồng ý nên xảy ra mâu thuẫn, dần dần không còn tình cảm nữa. Anh nhận thấy hôn nH không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị H

+ Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Lê Ngọc H và bị đơn anh Huynh Giau M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là "Ly hôn". Bị đơn anh Huỳnh Giau M hiện đang sinh sống tại địa chỉ số 457 Ellis Street, San Francisco, CA 94102, USA. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nH dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về quan hệ hôn nH: Chị Nguyễn Lê Ngọc H và anh Huynh Giau M kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nH dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 08/3/2019 nên là hôn nH hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nH giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, chị H và anh M trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung với nhau, anh M sống ở Mỹ, còn chị H sống ở Việt Nam nên dần dần vợ chồng không còn tình cảm và nhận thấy hôn nH không hạnh phúc nên cả hai đều mong muốn được ly hôn chứ không đoàn tụ. Do vậy, chấp nhận cho chị H và anh M được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh M trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nH và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nH dân;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Lê Ngọc H. Cho chị Nguyễn Lê Ngọc H được ly hôn anh Huynh Giau M.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Lê Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nH và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006772 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp xem như thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Lê Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh

Huynh Giau M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nH dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 5-Đồng Tháp;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Ngoan